

Số: 1179 /KSBT-XN-CĐHA-TDCN

CTY CỔ PHẦN... VINH LONG
ĐẾN Số: 393/CV
Ngày: 05/12/22
Chuyển: ...
Lưu hồ sơ số: 010

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 1122.22



Tên khách hàng : Nhà máy nước Hưng Đạo Vương
Địa chỉ : Số 02 đường Hưng Đạo Vương, Phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
Người lấy mẫu : Vương Ngọc Hải
Địa điểm lấy mẫu : tại nhà máy nước
Ngày lấy mẫu : 22/11/2022
Tên mẫu : Nước sạch S442
Lượng mẫu : 1 đv x 2lit, 1 đv x 500ml
Ngày nhận mẫu : 22/11/2022
Tình trạng mẫu : Đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày kiểm nghiệm
1	Clo dư (đo tại hiện trường)	HACH (DPD Free Chlorine)	0,8 mg/L	0,2 - 1,0 mg/L	22/11/2022
2	Màu sắc	SMEWW 2017-2120 C	< 5 TCU	≤ 15 TCU	22/11/2022
3	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	22/11/2022
4	pH	TCVN 6492-2011	7,09	6,0 - 8,5	22/11/2022
5	Độ đục	SMEWW 2130 B:2017(*)	Không phát hiện LOQ = 0,84 NTU	≤ 2 NTU	22/11/2022
6	Coliform tổng cộng	TCVN 6187-1:2019(*)	< 1 CFU/100mL	< 3 CFU/100 mL	22/11/2022
7	E.coli	TCVN 6187-1:2019(*)	< 1 CFU/100mL	< 1 CFU/100 mL	22/11/2022

Chú thích:

- (*): Phép thử đã được công nhận phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
- <1 CFU/100 mL: Được xem như là không phát hiện.
- Tham chiếu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XN-CĐHA-TDCN

KS. Võ Thanh Phương

Vĩnh Long, ngày 30 tháng 12 năm 2022

KT. GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
TỈNH VINH LONG
BSCN. Võ Thế Châu

Số/ No: 11122 2211A/KQ

Mã số/ Code: 5608 2211

Mã số mẫu/ Sample code: 20272 2211

Trang/ Page: 1/ 1

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TESTING REPORT**

Tên khách hàng/ Client : **NHÀ MÁY NƯỚC HUNG ĐẠO VƯƠNG**

Địa chỉ/ Address : **Số 2, đường Hung Đạo Vương, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long**

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **22/11/2022** Ngày phân tích/ Date of analysis : **23/11/2022**

Ngày trả kết quả/ Date of issue : **30/11/2022**

Loại mẫu/ Kind of sample : **Nước đã xử lý** Số lượng mẫu/ Quantity of sample : **01 mẫu**

Tên mẫu/ Name of sample : **Nước sạch tại mạng phân phối**
Địa điểm lấy mẫu: hộ Nguyễn Văn Út, khu Minh Linh, phường 5, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Tình trạng mẫu/ State of sample : **Đựng trong chai nhựa**

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT	QCVN 01-1: 2018/BYT
1	Coliforms (*)	ISO 9308-1:2014/ Amd 1 : 2016	Không phát hiện (LOD=1)	CFU/100mL	< 3
2	Escherichia coli (*)	ISO 9308-1:2014/ Amd 1 : 2016	Không phát hiện (LOD=1)	CFU/100mL	< 1
3	Clo dư tự do (*)	SMEWW 4500 Cl ₂ B : 2017	0,50	mg/L	trong khoảng 0,2-1,0
4	Độ đục (*)	SMEWW 2130.B : 2017	Không phát hiện (LOD=0,15)	NTU	2
5	Màu sắc (*)	SMEWW 2120C : 2017	Không phát hiện (LOD=3,0)	TCU	15
6	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
7	pH (*)	TCVN 6492 : 2011	6,96	-	trong khoảng 6,0-8,5

Ghi chú/ Notes: Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.

Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.

Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.

LOD: Giới hạn phát hiện / LOD: Limit of Detection.

(*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017).

(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ (s/c): Items are tested by subcontractor

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER****ThS. Huỳnh Ngọc Trường****GIÁM ĐỐC
DIRECTOR****ThS. Nguyễn Văn Tâm**

PTN được chỉ định bởi/ Lab. designated by: Bộ Y Tế - Cục An toàn Thực phẩm/ Ministry of Health - Agency of Food Safety; Bộ NN&PTNT - Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản/ Ministry of Agriculture - National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department.

No. Document: QTCL-13/BM02

Version: 08

Date of issue: 18/10/2022

**SỰ KHÁC BIỆT TỪ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ CHUYÊN MÔN
MAKING DIFFERENCES FROM QUALITY OF SERVICES AND KNOWLEDGE**

Số/ No: 11123 2211A/KQ
 Mã số/ Code: 5608 2211
 Mã số mẫu/ Sample code: 20273 2211
 Trang/ Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TESTING REPORT

Tên khách hàng/ Client	: NHÀ MÁY NƯỚC HƯNG ĐẠO VƯƠNG
Địa chỉ/ Address	: Số 2, đường Hưng Đạo Vương, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving	: 22/11/2022
Ngày trả kết quả/ Date of issue	: 30/11/2022
Loại mẫu/ Kind of sample	: Nước đã xử lý
Tên mẫu/ Name of sample	: Nước sạch mạng phân phối
Tình trạng mẫu/ State of sample	: Đựng trong chai nhựa

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT	QCVN 01-1: 2018/BYT
1	Coliforms (*)	ISO 9308-1:2014/ Amd 1 : 2016	Không phát hiện (LOD=1)	CFU/100mL	< 3
2	Escherichia coli (*)	ISO 9308-1:2014/ Amd 1 : 2016	Không phát hiện (LOD=1)	CFU/100mL	< 1
3	Clo dư tự do (*)	SMEWW 4500 Cl ₂ B : 2017	0,70	mg/L	trong khoảng 0,2-1,0
4	Độ đục (*)	SMEWW 2130.B : 2017	Không phát hiện (LOD=0,15)	NTU	2
5	Màu sắc (*)	SMEWW 2120C : 2017	Không phát hiện (LOD=3,0)	TCU	15
6	Mùi, vị	Cảm quan	Không có mùi vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ
7	pH (*)	TCVN 6492 : 2011	7,18	-	trong khoảng 6,0-8,5

Ghi chú/ Notes: Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.
 Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.
 Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.
 LOD: Giới hạn phát hiện / LOD: Limit of Detection.
 (*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017).
 (s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ (s/c): Items are tested by subcontractor

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER**

ThS. Huỳnh Ngọc Trưởng

**GIÁM ĐỐC
DIRECTOR**


ThS. Nguyễn Văn Tâm